

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **35/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: **08/9/2020**

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Loan Em** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2020/TLST – HNGĐ ngày 22/6/2020; Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2020/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Thùy T, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Sơn Thị Thùy T trình bày:*

Chị T với anh N cưới nhau năm 2015, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau lễ cưới có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Châu Thành, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/2016. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu bên gia đình chị T. Đến cuối năm 2015, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh N thường xuyên bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T với anh N không hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, anh N đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau nên

không thể tiếp tục sống chung với nhau. Nay chị Sơn Thị Thùy T yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Lâm Thanh N theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lâm Thanh N trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng, việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Trong thời gian chung sống vợ chồng với chị T thì anh, chị không có con chung, cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn được nên anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã Phú Tâm để sinh sống. Hiện nay anh đã chung sống với người phụ nữ khác, đã có con và anh cũng không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh với chị T được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Sơn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Sơn Thị Thùy T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Sơn Thị Thùy T với anh Lâm Thanh N cưới nhau năm 2015, có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 25/3/2016. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đầu bên gia đình chị T nhưng chưa có con chung. Đến cuối năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và anh N bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Phú Tâm sinh sống. Trong thời gian chị T với anh N sống ly thân, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị T nộp đơn xin ly hôn với anh N. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Thùy T với anh Lâm Thanh N cưới nhau năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 25/3/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T với anh N đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, giữa chị T với anh N đã ly thân hơn bốn năm, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Theo chị T trình bày, trong thời gian sống ly thân chị và anh N không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau do hai bên không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không tiến hành hòa giải được do chị T và anh N đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh N xác định giữa anh với chị T không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục sống chung với nhau vì anh đã sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có con, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[4] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Sơn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Sơn Thị Thùy T được ly hôn với anh Lâm Thanh N.

2/ Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005163 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị T đã nộp xong.

6/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với nguyên đơn chị Sơn Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

7/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha